TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2018/DS-ST.
Ngày: 29-11-2018.
V/v: "tranh chấp di sản thừa kế ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Hoài Hiêm.

Ông Trần Ái Hòa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Hoàng Liêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà*:** Ông Lê Hoàng Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2018 về "tranh chấp di sản thừa kế", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2018/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1/ Ông Trần Văn B, sinh năm 1944; địa chỉ: Ấp PH, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2/ Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp GN, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

3/ Bà Trần Thị D, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp BH, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông Nguyễn Thái N, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp BH, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thị G, sinh năm 1952; địa chỉ: Âp H, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện theo ủy quyền của bà G: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu phố X, Phường Y, thị xã Z, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn K, sinh năm 1950; địa chỉ:

Âp H, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án

Nguyên đơn ông Trần Văn B trình bày:

Cha ông là Trần Văn Q chết năm 1966 và mẹ ông là Trà Thị P1 (Trà Thị P, Nguyễn Thị P) chết 24/6/2002, cả hai không để lại di chúc.

Cha mẹ có 4 người con:

1/ Trần Văn B là tôi.

2/ Trần Thị G là bị đơn.

3/ Trần Thị Đ là nguyên đơn.

4/ Trần Thị D là nguyên đơn.

Ngoài ra cha mẹ không có có riêng hay nhận ai làm con nuôi.

Khi còn sống có tạo được số tài sản như sau :

Ruộng: 3,5 ha hiện đã phân chia xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đất thổ cư:

1/ Căn nhà tường nằm trên phần đất ngang 6m dài 34m diện tích 256m^2 thuộc thửa số 440 tờ bản đồ số 22. Nhà, đất tại ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh (Tương ứng với thửa 1562 tờ bản đồ số 8 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trà Thị P đứng tên được UBND huyện T cấp 16/3/1993) Nhà đất hiện tại bà Trần Thị G quản lý. Nguồn gốc tài sản là của mẹ ông mua vào năm 1981, có giấy tay mua bán giữa mẹ ông và ông V, khi mẹ chết bà G giữ. Hiện nay theo giấy tay thể hiện bà G là người trực tiếp đứng ra mua bán với ông V nhưng ông xác định phần tiền để mua nhà đất trên là của mẹ ông đưa tiền mua nhưng ông không có chứng cứ để chứng minh.

2/ Phần đất ngang 6m dài 24m diện tích 135m^2 thuộc thửa số 408 tờ bản đồ số 22. Đất tọa lạc tại ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh do bà Trần Thị G đứng tên. Hiện tại bà Trần Thị G quản lý. Nguồn gốc phần đất của Trà Thị P1 (Trà Thị P, Nguyễn Thị P) do bị đơn tự đăng ký kê khai sang tên của bị đơn. Phần 135m^2 đây là tài sản của mẹ ông, vì trước khi cha ông chết năm 1966 thì cả gia đình ông sống tại ấp Tr, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh, sau khi cha ông bị giặc bắn chết thì cả nhà đến ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh sống thì được bà Trà Thị R2 cho 3m đất ngang, ông Trần Văn X cho 3m đất, mẹ ông mới cất nhà trên đất, sau đó ông Huỳnh Văn R4 có đơn yêu cầu lấy lại phần đất trên, yêu cầu trả 6m, sau đó ông R4 thay đổi yêu cầu còn 4,5m dài 17m. Đến ngày 6/1/1997 Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh có quyết định số 04/ QĐ-UB bác yêu cầu của ông R4, giữ nguyên hiện trạng ngang 4,5m dài 17m cho bà Trà Thị P1 và thực tế mẹ ông sử dụng ngang 6m dài hết đất.

Nay ông yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Trà Thị P1 (Trà Thị P, Nguyễn Thị P) làm 4 phần, yêu cầu nhận giá trị di sản thừa kế đối với phần đất có diện tích 135m^2.

Riêng phần di sản còn lại diện tích 256m^2 ông yêu cầu nhận hiện vật và có nghĩa vụ thanh toán lại cho các đồng thừa kế khác các kỷ phần theo quy định pháp luật.

Hiện vụ việc đã được xét xử sơ thẩm, phúc thẩm xong và đã thi hành xong nay bị đơn khiếu nại có quyết định giám đốc thẩm hủy án nên chúng tôi thống nhất giải quyết lại theo yêu cầu của bị đơn. Đối với phần tiền đã thi hành án mà chúng tôi đã nhận thì chúng tôi đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn bà Trần Thị D ủy quyền cho Nguyễn Thái N trình bày: Thống nhất lời toàn bộ lời trình bày của ông B, yêu cầu chia di sản thành 04 kỷ phần, không có trích công sức gìn giữ, tôn tạo di sản, yêu cầu nhận giá trị di sản không nhận hiện vật. Đối với phần tiền đã thi hành án mà chúng tôi đã nhận thì chúng tôi đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn, yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày: Thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông B, yêu cầu chia di sản thành 04 kỷ phần, không có trích công sức gìn giữ, tôn tạo di sản, yêu cầu nhận giá trị di sản không nhận hiện vật. Đối với phần tiền đã thi hành án mà bà đã nhận thì bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn, yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà Trần Thị G trình bày: bà xác định lời trình bày của ông B về họ tên cha mẹ, cha mẹ bà có 4 người con, không có con riêng hay con nuôi, khi chết cha mẹ không để lại di chúc là đúng.

Đối với các tài sản mà nguyên đơn xác định là di sản bà xác định là không đúng mà đó là tài sản riêng của bà.

Đối với phần đất ngang 6m dài 24m, diện tích 135m^2 thuộc thửa số 408 tờ bản đồ số 22. Đất tại ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh do bà đứng tên và quản lý. Hiện nay phần đất trên đã được xem xét thẩm định và định giá, bà đồng ý theo kết quả xem xét thẩm định và định giá.

Phần đất này nguồn gốc đất của mẹ bà được bà Trà Thị R2 cho phần đất ngang 3 mét, dài 24m, ông Nguyễn Văn X cho phần đất ngang 3 mét, dài 24m, mẹ bà và các chị em bà cất nhà trên phần đất đó. Sau đó con bà R2 là ông Huỳnh Văn R4 khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất đã cho và đòi luôn phần của ông X.

Kết quả giải quyết UBND tỉnh Tây Ninh đã giải quyết giao lại cho má bà là Trà Thị P1 được quyền sử dụng phần đất ngang 4,5m dài 17m. phần còn lại mẹ bà vẫn sử dụng nên khi đăng ký kê khai quyền sử dụng đất bà đăng ký 2 phần, 1 phần thuộc thửa 448 diện tích 71m^2 phần còn lại bà xin đăng ký theo quyết định số 04 của UBND tỉnh tại thửa số 408 tờ bản đồ số 22. Đất tọa lạc tại ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Sau khi mẹ bà chết, bà mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào 27/11/2006.

Phần thứ hai: có diện tích 256m^2, thửa đất số 440, tờ bản đồ số 22 (Bản đồ

2005); Loại đất ONT; đất tọa lạc tại ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do mẹ bà Trà Thị P1 đứng tên, phần đất đã được xem xét thẩm định tại chổ và định giá. Bà thống nhất theo kết quả xem xét thẩm định và định giá.

Nguồn gốc tài sản này do bà mua ông Nguyễn Hữu V có giấy mua bán nhà ngày 20/9/1981. Nguồn tiền là của bà mua bán tạp hóa, mẹ bà tuy ở chung nhưng không có tiền của mua tài sản trên. Hiện tại bà R và bà R2 2 người làm chứng trong giấy tay mua bán đã chết trước khi tranh chấp xảy ra.

Đến năm 1993 nhà nước yêu cầu đăng ký quyền sử dụng đất, khi ấy bà đang sanh em bé nên nhờ mẹ tôi đến UBND xã B đăng ký và mẹ bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất luôn. Bà yêu cầu hủy giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ bà, công nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Đối với phần tiền bà đã thi hành án theo bản án phúc thẩm, bà yêu cầu nhận lại không yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Vì tất cả 2 tài sản trên là của bà nên tôi không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Trường hợp Tòa án xác định tài sản trên là di sản để chia thì đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn K thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Nguyên đơn; Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

2. Việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 674, 675, 676, 733 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Trần Văn B, bà Trần Thị Đ và bà Trần Thị D đối với bà Trần Thị G ; Buộc bà Trần Thị G phải chia di sản phần đất có diện tích 256m^2 thửa 1562 tờ bản đồ số 8 (nay là thửa 440, tờ bản đồ số 22), trên đất có nhà diện tích 6m x 8,8m do cụ Trà Thị P1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993.

- Phần đất có diện tích 135m^2 thửa 408, tờ bản đồ số 22 do bà Trần Thị G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Ông Trần Văn B, bà Trần Thị Đ và bà Trần Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp di sản thừa kế với bà Trần Thị G thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Ông Trần Văn Q chết năm 1966 và bà Trà Thị P1 (Trà Thị P, Nguyễn Thị P) chết 24/6/2002, ông bà chung sống có 4 người con gồm Trần Văn B, bà Trần Thị Đ, Trần Thị G và bà Trần Thị D, ngoài ra ông bà không còn người con nào khác, khi chết ông bà không để lại di chúc, theo các nguyên đơn tài sản cha mẹ để lại qua thực tế thẩm định định giá gồm : Tổng giá trị 2 phần tài sản tranh chấp là: 1.239.062.240 đồng + 614.411.296 đồng = 1.853.473.536 đồng (Một tỷ tám trăm năm mươi ba ngàn, bốn trăm bảy mươi ngàn năm trăm ba mươi sáu đồng).

- 1 căn nhà tường nằm trên phần đất ngang 6m dài 34m diện tích 256m^2 thuộc thửa số 440 tờ bản đồ số 22 (Bản đồ 2005); Loại đất ONT; CLN đất tọa lạc tại ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Với tứ cận như sau:

Đông giáp: đường nhựa hương lộ 8 dài 6,04m.

Tây giáp: mương nước 10,84m.

Nam giáp: đất ông N4 dài 23,5m + 7,24m + 4,35m.

Bắc giáp: đất bà N5 dài 34,26m

Giá 1.208.000.000đồng (một tỷ hai trăm lẻ tám triệu đồng chẵn).

- Phần đất ngang 6m dài 24m diện tích 135m^2 thuộc thửa số 408 tờ bản đồ số 22. Đất tọa lạc tại ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh, với tứ cận như sau:

Đông giáp: đất ông N1 dài 24,23m.

Tây giáp: đất ông N2 dài 21,75m.

Nam giáp: đường Lái Mai dài 6,1m.

Bắc giáp: đất ông N3 dài 6m.

Trị giá 610.000.000đồng.

Tài sản trên đất: Căn nhà tạm lợp tol, cột cây tạp, nền xi măng, diện tích 6m x 10,2m = 61,2 m^2 giá 4.411.296 đồng.

Tổng giá trị tài sản tranh chấp: 614.411.296 đồng (sáu trăm mười bốn triệu bốn trăm mười một ngàn hai trăm chín mươi sáu đồng)

Tài sản trên đất gồm: Căn nhà cấp 4C, diện tích 6m x 8,8m, nền xi măng, mái lợp tôn, xây dựng trước giải phóng. Giá 31.062.240 đồng (Ba mươi mốt không trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm bốn chục đồng).

Tổng giá trị tài sản tranh chấp là: 1.208.000.000đồng + 31.062.240 đồng = 1.239.062.240 đồng (một tỷ hai trăm ba mươi chín triệu, không trăm sáu mươi hai ngàn, hai trăm bốn chục đồng)

Tổng giá trị 2 phần tài sản tranh chấp là: 1.239.062.240 đồng + 614.411.296 đồng = 1.853.473.536 đồng (Một tỷ tám trăm năm mươi ba ngàn, bốn trăm bảy mươi ngàn năm trăm ba mươi sáu đồng).

Các nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Trà Thị P1 (Trà Thị P, Nguyễn Thị P) làm 4 phần, yêu cầu nhận giá trị di sản thừa kế đối với phần đất có diện tích 135m^2. Riêng phần di sản còn lại diện tích 256m^2 ông B yêu cầu nhận hiện vật và có nghĩa vụ thanh toán lại cho các đồng thừa kế khác các kỷ phần theo quy định pháp luật. Ngược lại bà Trần Thị G cho rằng đây là tài sản riêng của bà nên không đồng ý chia.

[2] Đối với phần đất có diện tích 135 m^2 thuộc tờ bản đồ số 22 thửa đất số 408 do bà Trần Thị G được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/11/2006 các bên đương sự thống nhất nguồn gốc phần đất này là của cụ P1 được UBND tỉnh Tây Ninh giao tại quyết định số 04/QĐ-UB ngày 06/01/1997 (quyết định giải quyết tranh chấp giữa cụ P1 và gia đình ông I) với diện tích ngang 4,5m x dài 17m đến ngày 24/11/2006 bà G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngang 6m x dài 24m việc tăng diện tích được UBND huyện T xác định tại công văn số 17/UBND ngày 10/01/2014 là do trước đây theo bản đồ 299 phần đất này thuộc thửa 1553, tờ bản đồ số 8 (thổ cư đo bao) người dân sống tập trung, phức tạp ranh giới thửa đất của từng chủ sử dụng chưa rỏ ràng nay đo đạc thực tế và đối soát bản đồ lưới tọa độ có sự chênh lệch trên là đúng có căn cứ xác định đây là di sản của cụ P1 năm 2006 bà G kê khai đăng ký được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi nguồn gốc đất di sản thừa kế, tuy nhiên không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện cụ P1 giao quyền sử dụng đất này cho bà G cũng như không có văn bản ghi ý kiến đồng ý của các anh chị em, do đó cần xác định phần đất này là di sản thừa kế là có căn cứ.

[3] Phần đất có diện tích 256m^2 thửa đất số 1562 tờ bản đồ số 8 (bản đồ lưới số 22) thửa 440 trên đất có căn nhà tường ngang 6m x 8,8m được xây dựng từ trước năm 1981 do cụ Trà Thị P1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/03/1993. Trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 165m^2, các đương sự thống nhất từ khi sang nhượng đến nay vẫn nguyên hiện trạng không khai khẩn cũng như mua thêm của ai, phù hợp với xác nhận của phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện T, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và diện tích đo bao nên không chính xác với hiện trạng sử dụng. Bà G cho rằng phần nhà đất này do bà trực tiếp sang nhượng từ năm 1981 nhưng sau đó nhờ mẹ ruột là cụ P1 đi đăng ký giùm nên đây là tài sản của bà G. Tuy nhiên, giấy sang nhượng do bà G cung cấp được lập ngày 20/09/1981 là giấy bán nhà giữa ông Nguyễn Hữu V và bà Trần Thị G nhưng đến năm 1993 cụ P1 kê khai đăng ký và được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến năm 2002 cụ P1 chết, bà G cũng không có ý kiến gì. Năm 2012 do có tranh chấp di sản thừa kế bà G mới đến gặp ông Phạm Định A (hiện nay là chủ tịch mặt trận Tổ Quốc Việt Nam xã Bình Thạnh) để khiếu nại. Phần đất này do UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ P1, có căn cứ xác định đây là di sản thừa kế. Để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt cũng như thuận tiện cho việc thi hành án sau này nên khi phân chia di sản thừa kế trong vụ án

này thấy rằng tại bản án phúc thẩm số 148/2014/DSPT ngày 07/7/2014 đã xử bà G là người trực tiếp quản lý sử dụng, có công gìn giữ đất, chăm sóc mẹ, tôn tạo đất nên trích cho bà G 1/3 giá trị là 165.702.000 đồng, còn lại 2/3 chia cho 4 người mỗi người được hưởng 331.404.000 đồng/4 phần = 82.851.000 đồng, giao quyền sử dụng cho bà G, bà G thanh toán giá trị quyền sử dụng đất cho các anh em hiện các đương sự đã thi hành án xong, để đảm bảo quyền lợi cho các bên cũng như thuận tiện cho công tác thi hành án hai nên cần chia theo giá trị tại thời điểm xét xử phúc thẩm làm căn cứ là phù hợp, do các bên đương sự đã thi hành xong nên cần ghi nhận trách nhiệm của bị đơn (Trần Thị G) không còn trách nhiệm thanh toán tiền cho phía nguyên đơn là phù hợp.

[4] Án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Chi phí thẩm định định giá 1.750.000 đồng các nguyên đơn nhận chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 674, 675, 676, 733 Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 7 Điều 27 pháp lệnh án phí lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp "di sản thừa kế" của ông Trần Văn B, bà Trần Thị Đ, bà Trần Thị D đối với bà Trần Thị G.

Bà Trần Thị G được quyền sử dụng 2 phần đất:

- Phần đất có diện tích 256m^2 thửa 1562 tờ bản đồ số 8 (nay là thửa 440, tờ bản đồ số 22), trên đất có nhà diện tích 6m x 8,8m do cụ Trà Thị P1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993.

- Phần đất có diện tích 135m^2 thửa 408, tờ bản đồ số 22 do bà Trần Thị G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bà Trần Thị G có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với quyết định của bản án.

- Bà G có nghĩa vụ thanh toán cho ông B, bà Đ, bà D mỗi người 82.851.000 ngàn đồng (ghi nhận bà G đã thi hành xong).

- Tiền chi phí thẩm định định giá 750.000 đồng các nguyên đơn tự nguyện chịu (ghi nhận đã nộp xong).

- Án phí: bà G phải chịu 12.427.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ 200.000 đồng theo biên lai số 0000224 ngày 01/04/2014 của chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng. Bà G còn phải nộp 12.227.000 đồng.

- Ông Trần Văn B, bà Trần Thị D, bà Trần Thị Đ mỗi người phải chịu 4.142.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ 610.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002471, 0002469, 0002470 ngày 05/10/2012 và 200.000 theo biên lai thu số 0000213, 0000215, 000214 ngày 28/03/2014 của chi cục thi hành án dân sự Huyện

Trảng Bàng. Ông B, bà Đ, bà D mỗi người còn phải nộp số tiền 3.332.500 đồng.(Bà G, ông B, bà Đ và bà D đã nộp đủ).

Chi phí thẩm định định giá 1.750.000 đồng các nguyên đơn nhận chịu (đã nộp đủ).

Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Tấn Đạt